



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 07/02/2026 (Thứ Bảy)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
1.9	22:56	02:45	↗
3.4	04:38	08:00	↘
1.5	10:57	14:45	↗
3.6	17:18	20:45	↘
1.7	23:35	03:30	↗
3.2	05:35	08:45	↘

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	M.Cường - H.Thanh	TRANSIMEX SUN	8.2	147	12,559	H25 - TCHP	02:30	SR	01-12
2	N.Tuấn	KOTA NEKAD	10.1	180	20,902	P/s3 - CL4	02:30	//0400	A2-A5
3	K.Toàn	XIN AN	8.3	172	18,724	P/s3 - BNPH	10:00	//1300	A1-A3
4	V.Tùng	MAERSK SONGKHLA	9.1	186	32,828	P/s3 - CL5	02:30	Cano DL, //0530	A5-A6
5	Th.Hùng	SAWASDEE DENEK	9.6	172	18,072	P/s3 - CL4-5	11:30	//1500	A2-A3
6	Đào	SAWASDEE ATLANTIC	9.9	172	18,051	P/s3 - CL7	15:30	//1900	A1-A6
7	Tín	PHU QUY 126	6.1	100	4,332	H25 - CanGio	14:00	SR	
8	P.Cần - Duy	WAN HAI 360	10.3	204	30,776	P/s3 - CL3	16:00	//1900	A1-A5
9	P.Hung	AMALFI BAY	10.5	186	29,796	P/s3 - CL5	16:00	//1930-MP	A6-TM
10	Kiên	SITC KANTO	8.8	172	17,119	P/s3 - CL1	16:00	//1900	A2-SG98
11	N.Dũng	SITC SHENGDE	9.8	172	18,820	P/s3 - CL1	04:30	//0700	A3-08
12	Vinh	NBOS QIN	8.3	172	18,491	P/s3 - CL4	23:00	//0200	
13	N.Hoàng	LG ASPHALT 2	5	100	5,051	CR1 - P/S	05:00	QTCR	
14	Đ.Long - Giang	TPC206-TK 02 + TPC-SL 16	6	190	6,257	H25 - CanGio	14:30	ĐX, SR	
15	N.Chiến - Quyền	HMM HERITAGE	9.5	172	17,277	P/s3 - BNPH	22:30	ĐX, //0130	

STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Hoàn	NEWSUN GREEN 03	3.5	100	3,958	CM4 - P/s2	03:00		A9-A10
2	N.Minh - Đ.Chiến	ZIM CORAL	11	272	74,693	CM2 - P/s3	06:00	MT	MR-KS
3	N.Cường - N.Thanh	OOCL LILAC	12.5	367	159,260	P/s3 - CM4	09:00	MP-3NM-VTX	A9-A10-H2
4	N.Dũng - A.Tuấn	NYK CONSTELLATION	12.5	295	55,534	P/s3 - CM2	10:30	MT-VTX	MR-KS
5	Thịnh	INTERASIA TRIBUTE	8.8	204	30,676	P/s3 - CM2	00:30	MT	MR-KS

6	M.Hải - Khái	EMERALD TOWER	11	300	96,375	CM3 - P/s3	00:30	MT-VTX	MR-KS-AWA
7	P.Cần - P.Hung	EMERALD TOWER	11	300	96,375	P/s3 - CM3	02:00	MT-VTX	MR-KS
8	M.Tùng - T.Tùng	NYK CONSTELLATION	13.2	295	55,534	CM2 - P/s3	23:00	ĐX; MT-VTX	
STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Duyệt	KMTC TAIPEIS	8.7	172	18,370	CL3 - P/s3	00:30	LT	A1-A3
2	Nhật - N.Trường	KMTC JARKATA	8.8	172	16,659	CL1 - P/s3	22:00		A2-A5
3	Hà	WAN HAI 289	9.2	175	20,899	CL7 - P/s3	02:00	LT	A1-A6
4	P.Thùy - Chính	SITC MACAO	9.5	172	17,119	CL4 - H25	04:00	SR	A2-08
5	Quyết	KMTC TOKYO	8.6	173	17,853	BNPH - H25	12:30	SR	A1-A3
6	Hồng	UNI PRUDENT	8	182	17,887	CL5 - P/s3	05:30	LT	A6-TM
7	Phú	WAN HAI 293	10.5	175	20,918	CL4-5 - P/s3	15:00	LT	A2-A5
8	Chương	SAWASDEE INCHEON	10	172	18,051	CL7 - P/s3	19:00	LT	A1-A6
9	Đ.Minh - M.Hùng	SAN PEDRO	8.5	172	16,880	CL3 - P/s3	19:00	LT	A3-08
10	V.Hải	CA GUANGZHOU	8.8	167	17,871	CL1 - P/s3	19:00	LT	A2-A5
11	P.Tuấn	MAERSK SONGKHLA	7.9	186	32,828	CL5 - P/s3	19:30	LT	A5-A6
12	Tân	TRANSIMEX SUN	8	147	12,559	TCHP - H25	22:00	SR	08-12
13	T.Tùng	POS SINGAPORE	8.5	172	17,846	TCHP - H25	01:30	SR	01-12
14	Diệu	TRUONG AN 06	3	96	2,917	CanGio - H25	21:00	ĐX, SR	

PILOTING TO SUCCESS